

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO ngày 10/01/2026

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về định danh địa điểm

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Đo đạc và Bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về định danh địa điểm.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về việc định danh đối với các địa điểm trong lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; việc xây dựng, quản lý, kết nối, chia sẻ và khai thác cơ sở dữ liệu định danh địa điểm; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Nghị định này áp dụng đối với:

a) Cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ thu thập, tạo lập, cập nhật, quản lý và vận hành Hệ thống định danh địa điểm và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

b) Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu, người sử dụng hoặc người quản lý địa điểm hợp pháp có trách nhiệm cung cấp, cập nhật thông tin định danh địa điểm;

c) Các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu định danh địa điểm để phục vụ quản lý nhà nước, hoạt động sản xuất kinh doanh (bao gồm bưu chính, logistics, thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc) và các nhu cầu dân sự khác;

d) Các đơn vị cung cấp dịch vụ hạ tầng số, nền tảng số và ứng dụng công nghệ thông tin có liên quan đến việc xử lý dữ liệu định danh địa điểm trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Định danh địa điểm là hoạt động thu thập, tạo lập, gắn nhãn duy nhất cho

một địa điểm hoặc vị trí cụ thể. Bao gồm tập hợp các thông tin nhằm xác định chính xác vị trí của một điểm hoặc một đối tượng địa lý bất kỳ trong hệ quy chiếu hệ tọa độ quốc gia VN-2000 và hệ thống trắc địa thế giới WGS-84.

2. Mã định danh địa điểm là mã số định danh duy nhất được cấp cho mỗi địa điểm trong dữ liệu không gian địa lý, có cấu trúc phân cấp, được quản lý tập trung và chia sẻ thống nhất trong toàn quốc, dùng để xác thực và tham chiếu địa điểm trong các hoạt động có liên quan.

3. Hệ thống quản lý định danh địa điểm bao gồm các thành phần chính sau đây:

a) Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm là hệ thống thông tin được xây dựng tập trung, thống nhất trên phạm vi toàn quốc, được số hóa và chuẩn hóa nhằm lưu trữ, quản lý toàn bộ thông tin về nhận diện duy nhất của mọi địa điểm thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này dưới dạng dữ liệu điện tử, bao gồm các thuộc tính không gian, thuộc tính mô tả (bao gồm thuộc tính thời gian) và mối quan hệ logic giữa các địa điểm;

b) Hạ tầng kỹ thuật bao gồm các trang thiết bị phần cứng, phần mềm và các công cụ có liên quan phục vụ việc thu thập, quản lý, chia sẻ dữ liệu địa điểm bảo đảm an toàn và bảo mật, đảm bảo tương thích với các hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu quốc gia.

4. Cơ quan phụ trách là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đối tượng được định danh thông tin trong cơ sở dữ liệu về định danh địa điểm.

5. Đối tượng được định danh địa điểm là các công trình kiến trúc, công trình xây dựng, kết cấu xây dựng, địa danh hoặc bất cứ cấu trúc vật lý gắn liền với dữ liệu thửa đất (đối với các đối tượng thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng chỉ thu thập thông tin công khai liên quan đến địa chỉ và tọa độ) cần xác định vị trí để phục vụ công tác quản lý nhà nước, phục vụ nhu cầu khai thác định danh địa điểm của cá nhân, tổ chức; danh sách đối tượng được định danh địa điểm tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

6. Thủ trưởng cơ quan quản lý định danh địa điểm của Bộ Công an là Thủ trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an.

Chương II

ĐỊNH DANH ĐỊA ĐIỂM

Điều 3. Nguyên tắc định danh địa điểm

1. Mỗi địa điểm chỉ có một mã định danh duy nhất, tuân thủ cấu trúc thống nhất trên toàn quốc, đảm bảo tính liên tục và ổn định, không trùng lặp trong toàn hệ thống. Mã định danh địa điểm phải được giữ nguyên, không thay đổi trong trường hợp có sự điều chỉnh về địa giới hành chính, trừ trường hợp đặc biệt theo quy định của pháp luật.

2. Đối với đối tượng có nhiều lối tiếp cận, lối vào thì thông tin về lối tiếp cận, lối vào của mỗi đối tượng sẽ được hiển thị đầy đủ như một trường thông tin.

3. Đối với loại đối tượng có kết cấu theo chiều dài tiếp giáp dọc đường giao thông và có thể tiếp cận đối tượng từ bất cứ vị trí nào dọc đoạn đường giao thông

Tân

đó thì cách gán định danh địa điểm cho đối tượng áp dụng như đối với đường giao thông, theo đó địa điểm của đối tượng sẽ gồm địa chỉ điểm đầu, địa chỉ điểm cuối và địa chỉ tại các nút giao, cắt của con đường.

4. Đối tượng được định danh địa điểm được thu thập dựa trên dữ liệu nền do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cung cấp.

5. Nguyên tắc về tính chính xác và chuẩn hóa: Mã định danh địa điểm và thông tin đi kèm phải được thiết lập trên cơ sở dữ liệu đo đạc, bản đồ, hồ sơ địa chính hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành có thẩm quyền, bảo đảm tính chính xác, chuẩn hóa, thống nhất.

6. Nguyên tắc về phân loại và bảo mật: Việc định danh địa điểm được thực hiện theo phân loại đối tượng và cấp độ khai thác dữ liệu; bảo đảm tuân thủ quy định về quốc phòng, an ninh, bí mật nhà nước và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

7. Nguyên tắc về liên thông, chia sẻ: Mã định danh địa điểm phải bảo đảm khả năng liên thông, tích hợp và chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin của bộ, ngành, địa phương.

8. Nguyên tắc về ổn định và kế thừa Mã định danh địa điểm sau khi được tạo lập, gắn nhãn duy nhất cho một đối tượng cụ thể phải có tính ổn định lâu dài; chỉ thay đổi trong các trường hợp thật sự cần thiết theo quy định của pháp luật, bảo đảm kế thừa dữ liệu đã được thiết lập.

9. Nguyên tắc cập nhật kịp thời và bảo đảm tính chính xác: Dữ liệu định danh địa điểm phải được cập nhật thường xuyên, liên tục và kịp thời ngay khi có sự biến động về địa giới hành chính, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc các thay đổi về hạ tầng kỹ thuật. Công tác quản lý dữ liệu phải bảo đảm phản ánh chính xác thông tin, trạng thái thực tế của địa điểm, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước và giao dịch của tổ chức, cá nhân.

Điều 4. Cấu trúc định danh địa điểm

1. Mã định danh địa điểm là tập hợp chuỗi ký tự được gán cho địa điểm cụ thể. Mỗi địa điểm được gán mã định danh riêng biệt, không trùng lặp, bảo đảm tính ổn định, mở rộng và khả năng liên kết, tích hợp, kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

2. Mã định danh địa điểm là một dãy số tự nhiên bao gồm 12 chữ số.

3. Mã định danh địa điểm được khởi tạo tự động từ hệ thống cơ sở dữ liệu định danh địa điểm và được gán khi khai báo đối tượng định danh địa điểm.

4. Thông tin liên quan đến định danh địa điểm, bao gồm:

- a) Mã định danh địa điểm;
- b) Đối tượng định danh địa điểm;
- c) Địa chỉ;
- d) Lối tiếp cận;
- đ) Mã bưu chính;
- e) Thông tin tọa độ theo Hệ tọa độ quốc gia VN -2000 và hệ thống tọa độ toàn cầu WGS-84;
- g) Các thông tin của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nếu có);

Tân

- h) Trạng thái hoạt động của địa điểm: đang hoạt động, sử dụng, ngừng sử dụng, chuyển địa điểm, thay đổi cấu trúc, tính chất của địa điểm;
- i) Tên hoặc dấu hiệu nhận biết của đối tượng;
- k) Thông tin kết cấu của đối tượng (nếu có);
- l) Thông tin địa không gian ba chiều của đối tượng (nếu có).

Điều 5. Thu thập, tạo lập, cập nhật dữ liệu phục vụ định danh địa điểm

1. Dữ liệu phục vụ định danh địa điểm bao gồm dữ liệu về địa chỉ, đất đai, công trình kiến trúc, công trình xây dựng, kết cấu xây dựng, nền địa lý, biển và hải đảo, biên giới và các dữ liệu khác phục vụ định danh địa điểm được thu thập, tạo lập từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương và được tổng hợp về cơ sở dữ liệu định danh địa điểm.

2. Trường hợp chưa có thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Bộ Công an phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phân công các đơn vị chức năng liên quan khác thực hiện thu thập vào cơ sở dữ liệu định danh địa điểm.

3. Công tác cập nhật và duy trì dữ liệu định danh địa điểm:

a) Dữ liệu phục vụ định danh địa điểm từ các cơ sở dữ liệu quốc gia phải được cập nhật thường xuyên, liên tục, bảo đảm chính xác, an toàn, bảo mật về cơ sở dữ liệu định danh địa điểm. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố có trách nhiệm tổ chức việc thực hiện tạo lập và cập nhật dữ liệu vào cơ sở dữ liệu định danh địa điểm;

b) Dữ liệu địa điểm phải được điều chỉnh khi các điều kiện khách quan làm thay đổi thông tin liên quan, hoặc nếu cơ quan phụ trách xác định được lỗi về thông tin cụ thể. Các lỗi hoặc thiếu sót làm sai lệch thông tin dữ liệu phải được điều chỉnh trong cơ sở dữ liệu định danh địa điểm.;

c) Các cơ quan nhà nước quản lý đối tượng được định danh có nghĩa vụ báo cáo lỗi và thiếu sót trong thông tin địa điểm cho cơ quan phụ trách theo quy định;

d) Cá nhân và tổ chức phát hiện ra lỗi, sai lệch thông tin về địa điểm, điểm truy cập, điểm tham chiếu, có thể liên hệ trực tiếp hoặc gửi phản ánh, kiến nghị trực tuyến với cơ quan phụ trách của các tỉnh, thành phố tương ứng.

4. Chủ sở hữu cung cấp thông tin phục vụ định danh địa điểm:

Trong trường hợp có nhu cầu xác định, đăng ký chính xác thông tin địa điểm, chủ sở hữu của một tài sản là bất động sản (chủ sở hữu đất đai, chủ sở hữu của một tòa nhà hoặc công trình kỹ thuật) có thể cung cấp thông tin cho cơ quan phụ trách. Theo đề nghị của cơ quan phụ trách hoặc để đảm bảo quyền lợi liên quan, chủ sở hữu cung cấp các tài liệu chứng minh tính chính xác của thông tin. Các thông tin bao gồm:

- Thông tin về địa chỉ: Số nhà, tên đường/phố/thôn/xóm, đơn vị hành chính các cấp (xã, tỉnh);

- Thông tin về loại hình địa điểm: Nhà ở riêng lẻ, căn hộ chung cư, trụ sở cơ quan, cơ sở sản xuất kinh doanh, địa điểm công cộng hoặc các loại hình khác theo danh mục quy định;

- Thông tin về chủ sở hữu/người quản lý: Họ tên, số định danh cá nhân, số định danh cơ quan, tổ chức, mã số doanh nghiệp, số điện thoại liên lạc;

Tam

- Hình ảnh thực tế của địa điểm (nếu có).

5. Quá trình thu thập, tạo lập, cập nhật dữ liệu phục vụ định danh địa điểm cần tuân thủ theo các loại đối tượng được quy định kèm theo Phụ lục trong Nghị định này; thu thập hạn chế với đối tượng hạn chế; và thu thập toàn bộ thông tin theo quy định đối với đối tượng bắt buộc định danh.

6. Trường hợp dữ liệu về cùng một địa điểm có sự sai lệch giữa các hồ sơ do các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý, các đơn vị liên quan có trách nhiệm chủ trì, phối hợp rà soát và thống nhất điều chỉnh thông tin trước khi cập nhật vào Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm.

7. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp đã có dữ liệu bản đồ hoặc các hệ thống thông tin liên quan đáp ứng tiêu chuẩn về định danh địa điểm có trách nhiệm chia sẻ, cung cấp cho Bộ Công an để cập nhật, tích hợp vào Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm nhằm bảo đảm tính kế thừa, tiết kiệm và tránh lãng phí.

Điều 6. Kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu định danh địa điểm

1. Dữ liệu định danh địa điểm được kết nối, chia sẻ, khai thác thông qua nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu quốc gia, nền tảng định danh và xác thực điện tử và các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu khác theo quy định của pháp luật. Dữ liệu công khai về định danh địa điểm được cung cấp, hiển thị trên ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) để phục vụ cho cá nhân, tổ chức.

2. Để bảo đảm bảo mật, an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân khi kết nối, chia sẻ thông tin với Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm, hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật công nghệ thông tin trong kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm;

b) Bảo đảm an toàn thông tin tối thiểu cấp độ 3 theo quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ khi kết nối chính thức.

3. Khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm được quy định như sau:

a) Dữ liệu định danh địa điểm được định hướng khai thác, sử dụng để phục vụ các hoạt động logistics, thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc sản phẩm và các dịch vụ tiện ích khác nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế số;

b) Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được khai thác thông tin miễn phí trong Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm để thực hiện chức năng, nhiệm vụ thông qua mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin theo quy định pháp luật về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

c) Cá nhân, chủ sở hữu được khai thác thông tin của mình trong Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm thông qua hình thức gửi yêu cầu cung cấp thông tin miễn phí đến cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu định danh địa điểm và ứng dụng định danh quốc gia.

Trường hợp khai thác thông tin của người bị mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của Bộ luật Dân sự, người dưới 14 tuổi, người bị tuyên bố mất tích, người đã chết phải được sự đồng

Tân

ý của cơ quan quản lý định danh địa điểm và một trong những người đại diện hợp pháp, người thừa kế theo quy định tại điểm d khoản này;

d) Người bị mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của Bộ luật Dân sự, người dưới 14 tuổi khai thác thông tin của mình thông qua người đại diện hợp pháp.

Việc khai thác thông tin của người bị tuyên bố mất tích do người đại diện hợp pháp của người đó quyết định.

Việc khai thác thông tin của người đã chết do người được xác định là người thừa kế của người đó quyết định;

đ) Tổ chức và cá nhân không thuộc quy định tại điểm b và điểm c khoản này được khai thác dữ liệu công khai về định danh địa điểm qua ứng dụng định danh quốc gia hoặc kết nối, chia sẻ qua nền tảng định danh và xác thực điện tử và phải nộp phí khai thác, sử dụng thông tin;

Trường hợp có nhu cầu khai thác thông tin khác trong cơ sở dữ liệu định danh địa điểm, phải được sự đồng ý của chủ sở hữu, quản lý địa điểm đó.

4. Việc kết nối, chia sẻ thông tin theo quy định tại điểm b, đ khoản 3 Điều này được thực hiện trên cơ sở thống nhất bằng văn bản giữa cơ quan quản lý định danh địa điểm của Bộ Công an và cơ quan, tổ chức chủ quản cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin.

5. Dữ liệu định danh địa điểm được quản lý và phân loại như sau:

a) Dữ liệu công khai: Bao gồm các dữ liệu được quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, h, i khoản 4 Điều 4 Nghị định này trừ các đối tượng thuộc phạm vi bí mật nhà nước, quốc phòng an ninh;

b) Dữ liệu không công khai: Bao gồm các dữ liệu được quy định tại điểm g, k, l khoản 4 Điều 4 Nghị định này.

6. Thủ trưởng cơ quan quản lý định danh địa điểm của Bộ Công an có thẩm quyền cho phép khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu định danh địa điểm.

Chương III **TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

Điều 7. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Chủ trì đầu tư, xây dựng hệ thống quản lý định danh địa điểm tập trung thống nhất từ Trung ương đến địa phương bảo đảm thông suốt, liên tục, ổn định, an toàn, an ninh trong quá trình quản lý nhà nước; các phân mềm, thiết bị, hạ tầng phục vụ thu thập, xử lý dữ liệu định danh địa điểm.

2. Ứng dụng cơ sở dữ liệu định danh địa điểm phục vụ trực tiếp công tác quản lý cư trú, quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện, các công tác về an ninh, trật tự, phòng chống tội phạm, phòng chống thiên tai, cứu nạn cứu hộ và các nhiệm vụ khác được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

3. Chủ trì, phối hợp Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng và các đơn vị liên quan ban hành quy trình thu thập, cập nhật thông tin cơ sở dữ liệu định danh địa điểm.

Tân!

4. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai xây dựng các phần mềm, ứng dụng định danh địa điểm tập trung trên toàn quốc, tích hợp các tiện ích phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo, hướng dẫn về định danh địa điểm.

6. Kết nối, tích hợp, chia sẻ cơ sở dữ liệu định danh địa điểm với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử và các nền tảng khác theo quy định.

7. Kết nối, tích hợp, chia sẻ cơ sở dữ liệu định danh địa điểm với Cổng dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính các bộ, ngành và của tỉnh, thành phố phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định của pháp luật.

8. Chủ trì phối hợp với Bộ Quốc phòng bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin đối với cơ sở dữ liệu định danh địa điểm.

9. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành rà soát, cập nhật danh mục đối tượng định danh địa điểm hàng năm.

Điều 8. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Chỉ đạo, đôn đốc các doanh nghiệp viễn thông triển khai các biện pháp bảo đảm hạ tầng viễn thông, Internet, truyền dẫn phục vụ hoạt động định danh địa điểm.

2. Chủ trì, phối hợp Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị liên quan xây dựng, ban hành tiêu chuẩn về định danh địa điểm phục vụ thống nhất, đồng bộ trong lưu trữ, chia sẻ, tích hợp thông tin giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

3. Cập nhật, chia sẻ thông tin mã bưu chính quốc gia gắn cho đối tượng là phường, xã và các đơn vị hành chính tương đương với cơ sở dữ liệu định danh địa điểm.

Điều 9. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Xây dựng và các đơn vị liên quan xây dựng quy định việc áp dụng hệ tọa độ hệ quy chiếu trong định danh địa điểm để sử dụng thống nhất phục vụ kết nối, chia sẻ, tích hợp thông tin, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các đơn vị có liên quan hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và bản đồ địa hình quốc gia. Cập nhật, chia sẻ thông tin cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và hệ thống bản đồ địa hình quốc gia với cơ sở dữ liệu định danh địa điểm để phục vụ cấp, quản lý định danh địa điểm.

3. Chủ trì phối hợp với Bộ Công an chia sẻ, đồng bộ dữ liệu thửa đất, bản đồ nền, hải đảo, các đối tượng được quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này gắn với địa điểm về cơ sở dữ liệu định danh địa điểm.

Điều 10. Trách nhiệm của Bộ xây dựng

1. Chủ trì phối hợp với Bộ Công an, Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn triển khai đánh số và gắn biển số nhà, công trình xây dựng gắn với thông tin định danh địa điểm.

Tấn

2. Chủ trì, hướng dẫn, giám sát, phối hợp Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong việc rà soát điều chỉnh, cập nhật thông tin khi có sự biến động của đối tượng về thông tin hạ tầng kỹ thuật đô thị, hạ tầng giao thông, nhà ở gắn với định danh địa điểm và cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, hệ thống bản đồ địa hình quốc gia.

Điều 11. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, hướng dẫn, giám sát, phối hợp Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong việc điều chỉnh, cập nhật thông tin khi có sự biến động của đối tượng về các công trình, thể thao, di sản văn hóa gắn với định danh địa điểm.

Điều 12. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện việc định danh địa điểm đối với các công trình quốc phòng, khu quân sự và các đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng; đảm bảo tính thống nhất về tọa độ, địa chỉ nhưng tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 13. Trách nhiệm Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan liên quan ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 14. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Triển khai xây dựng, nâng cấp, đưa vào vận hành, khai thác các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan đến định danh địa điểm. Phối hợp với Bộ Công an thực hiện kết nối, đồng bộ dữ liệu về Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử, cơ sở dữ liệu định danh địa điểm.

2. Phối hợp với Bộ Công an để thống nhất quy trình tạo lập, thu thập, cập nhật, điều chỉnh dữ liệu, phương án kết nối, chia sẻ để sử dụng, khai thác dữ liệu có trong cơ sở dữ liệu định danh địa điểm bảo đảm bảo mật, an ninh mạng, an toàn thông tin.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố có trách nhiệm tổ chức việc thực hiện tạo lập dữ liệu vào cơ sở dữ liệu định danh địa điểm (không bao gồm việc tạo lập dữ liệu bản đồ) và cập nhật thông tin khi có sự biến động của đối tượng về tính chất, trạng thái, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông, các công trình, thể thao, di sản văn hóa, đối tượng biển và các đối tượng được quy định định danh tại Nghị định này về Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm theo phạm vi địa bàn.

2. Tổ chức đánh số, gắn biển số nhà, công trình xây dựng; đặt tên, đổi tên đường, phố, công trình công cộng theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Triển khai số hoá, thu thập, tạo lập dữ liệu về địa chỉ, đất đai, công trình kiến trúc, kết cấu xây dựng, tài sản gắn liền với đất; chia sẻ, đồng bộ dữ liệu với cơ sở dữ liệu định danh địa điểm.

Tên

4. Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai cập nhật định danh địa điểm thông qua công cụ, phần mềm do Bộ Công an hướng dẫn.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm .

2. Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị định này.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này. / *TM*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (2).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính